

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Xuân Phong;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975.

- Bị đơn: chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: thôn Dưỡng Xuân, xã QX1, huyện QS, tỉnh QN.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã QX1, huyện QS, tỉnh QN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 02/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 22/7/2003 và

Nguyễn Lê Gia H1, sinh ngày 14/01/2009. Cháu A đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị L nuôi con anh đồng ý và có trách nhiệm cấp dưỡng để chị L nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị thống nhất với lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây vợ chồng chị thường xảy ra cãi nhau do anh H đi làm không chu cấp tiền lo cho gia đình, thuê trọ ở riêng và anh H nói chị lấy tiền của anh. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ.

Về con chung: chị thống nhất với lời trình bày của anh H về 02 con chung Nguyễn A và Nguyễn Lê Gia H1. Nếu ly hôn, chị nhận nuôi cháu H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để chị nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh H và chị L ly hôn, giao cháu Nguyễn Lê Gia H1 cho chị L nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để chị L nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị L có nơi cư trú tại thôn Dưỡng Xuân, xã QX1, huyện QS, tỉnh QN. Anh H xin ly hôn với chị L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã QX1, huyện QS, tỉnh QN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 02/5/2002 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn anh H, chị L chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi làm không chu cấp tiền lo cho gia đình, thuê trọ ở riêng và anh H nói chị lấy tiền của anh. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đều cương quyết xin ly hôn; chị L cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nhưng vì các con nên chị xin giải quyết đoàn tụ. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Anh H và chị L có 02 con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 22/7/2003 đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Lê Gia H1, sinh ngày 14/01/2009. Chị L và anh H thỏa thuận, giao cháu H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị L thỏa thuận, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để chị L nuôi con, nên Hội đồng xét xử cần tôn trọng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]. Về án phí: anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Lê Thị Mỹ L.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Gia H1, sinh ngày 14/01/2009 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng để chị L nuôi con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tổng cộng 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Thanh H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004932 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Anh H còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2023).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 1;
- (GCNKH số 34 ngày 02/05/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ